

Bản án số: 09/2025/HNGD-ST

Ngày: 23/5/2025

V/v tranh chấp xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Ngân

2. Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HN ngày 24/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 56/36 Đường X, Phường Y, Thành phố K.

Bị đơn: Ông Khuru Quang N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 56/36 Đường X, Phường Y, Thành phố K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 30 Đường M Phường N, Thành phố K.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê M - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố K theo Giấy chứng

nhận kết hôn số XX/2015 quyền số XX/2015 ngày 06/4/2015. Ngày 28/5/2020 bà T và ông M thuận tình ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 196/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố K. Trong nội dung Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có nêu về việc quá trình chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Lê M có 02 con chung là bé Lê B, sinh ngày 27/6/2015 và bé Lê Nguyễn Đ, sinh ngày 10/6/2018 mà không đề cập về bé Nguyễn L, sinh ngày 19/11/2019 vì đứa bé đó không phải là con của ông M. Trước thời gian ly hôn, bà T và ông M đã sống ly thân, bà T đã nảy sinh quan hệ tình cảm với ông Khuru Quang N là bị đơn và có thai bé Nguyễn L khi chưa ly hôn với ông M.

Nay bà T với ông M đã ly hôn và bà T đã kết hôn với ông Khuru Quang N. Hiện tại, bà T đã làm giấy khai sinh cho bé L nhưng thông tin về cha của bé L chưa được xác định. Do vậy, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân xác định cha đẻ của bé Nguyễn L, sinh ngày 19/11/2019 là ông Khuru Quang N, cụ thể: Yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 xác định ông Khuru Quang N, sinh ngày 03/10/1987 là cha đẻ của bé Nguyễn L sinh ngày 19/11/2019.

Bị đơn ông Khuru Quang N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Năm 2019, ông và bà T có tình cảm với nhau và phát sinh quan hệ tình cảm dẫn đến bà T có thai sinh ra bé Nguyễn L sinh ngày 19/11/2019 tại Bệnh viện Q. Do bà T và ông Lê M vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân nên ông N và bà T không thể làm Giấy khai sinh cho bé L cũng như đăng ký kết hôn với nhau được. Năm 2020, ông biết được bà T và ông M đã ly hôn, nên ngày 05/11/2021 ông và bà T đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 05/11/2021. Ngày 24/4/2024, ông và bà T tiến hành xét nghiệm huyết thống cha và con cho bé L, khi biết được bé L là con của ông nhưng sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông M, do vậy nên Giấy khai sinh của bé L không có phần xác định cha. Nay ông đồng ý xác nhận mối quan hệ cha con với bé Nguyễn L và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông M có mặt tại phiên tòa nhưng ông M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, tuyên bố ông Khuru Quang N, sinh ngày 03/10/1987 là cha đẻ của bé Nguyễn L, sinh ngày 19/11/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T và bị đơn - ông Khuru Quang N là tranh chấp về xác định cha cho con. Bị đơn ông Khuru Quang N cư trú tại Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 theo quy định tại khoản 4 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Những người vắng mặt tại phiên tòa đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên họ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc xác định ông Khuru Quang N, sinh ngày 03/10/1987 là cha đẻ của cháu Nguyễn L, sinh ngày 19/11/2019, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số XX/2015 quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố K cấp ngày 06/4/2015 thì bà Nguyễn Thị T và ông Lê M có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau đó, ngày 28/5/2020, Tòa án nhân dân Thành phố K đã ban hành Quyết định số 196/2020/QĐST-HNGĐ về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà T và ông M. Tuy nhiên, theo Giấy khai sinh số 95 ngày 04/7/2024 của Ủy ban nhân dân Phường Y thì bé Nguyễn L được sinh ngày 19/11/2019, tức là sinh ra trong thời gian quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê M chưa chấm dứt. Căn cứ khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cháu Nguyễn L được pháp luật mặc định là con chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tuy nhiên, theo lời khai của bà T và ông N cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà T và ông M đã sống ly thân trước khi ly hôn, trong thời gian đó bà T phát sinh quan hệ tình cảm và có thai với ông Khuru Quang N. Sau khi ly hôn với ông M, bà T đã kết hôn với ông theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 05/11/2021 do Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố K cấp.

Căn cứ chứng cứ quan trọng là Kết luận giám định ADN số VC11XX/2024 của Viện nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng Công nghệ VC xác định ông Khuru Quang N và trẻ Nguyễn L có quan hệ huyết thống cha - con với xác suất 99.9999%. Ông N cũng đã có bản khai thừa nhận mình là cha đẻ của trẻ Nguyễn L và không có tranh chấp. Bà T cũng xác nhận điều này và có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác nhận quan hệ cha – con đối với trẻ L và ông N.

[4] Đối với ông Lê M, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc

giải quyết vụ án, bởi ông không có khiếu nại hay tranh chấp về quan hệ cha - con với cháu L, và thực tế cũng không có tên ông trong giấy khai sinh của cháu bé.

[5] Như vậy, có đầy đủ căn cứ để xác định cháu Nguyễn L, sinh ngày 19/11/2019 là con đẻ của ông Khuru Quang N. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 101, và khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng do bị đơn ông Khuru Quang N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 90, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016, Luật thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Xác định ông Khuru Quang N, sinh ngày 03/10/1987, nơi cư trú 56/36 Đường X, Phường Y, Thành phố K là cha đẻ của bé Nguyễn L, sinh ngày 19/11/2019 do bà Nguyễn Thị T sinh ra theo Giấy chứng sinh số 0013XX quyền số 0001XX ngày 19/11/2019 của Bệnh viện Q.

2. Án phí và chi phí tố tụng:

Ông Khuru Quang N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
- Chi cục Thi hành án Khu vực 1;
- UBND Phường Phạm Ngũ Lão, Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hạnh

